

Phụ lục I

TT	TÊN BIỂU MẪU	SỐ HIỆU
1	Chỉ tiêu thông tin Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	01/CT/XĐTXX/GSQL
2	Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	02/XĐTXX/GSQL

Chỉ tiêu thông tin Đơn đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú
1.	Số Đơn	Số Đơn do hệ thống của cơ quan hải quan tự cập nhật sau khi Đơn được chấp nhận
2.	Ngày Đơn	Ngày hệ thống tiếp nhận Đơn
3.	Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ hàng hóa	Nhập tên của tổ chức cá nhân đề nghị
4.	Địa chỉ	Ô số 1: Nhập số nhà và tên đường Ô số 2: Nhập tên thành phố Ô số 3: Nhập tên nước
5.	Điện thoại	Nhập số điện thoại
6.	Fax	Nhập số fax
7.	Mã số thuế	Nhập mã số thuế người nhập khẩu/xuất khẩu
8.	Email	Nhập địa chỉ hộp thư điện tử
9.	Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu	+) Nhập tên của tổ chức, cá nhân xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa nhập khẩu cần xác định trước xuất xứ. +) Nhập tên của tổ chức cá nhân nhập khẩu trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu cần xác định trước xuất xứ.
10.	Địa chỉ	Ô số 1: Nhập số nhà và tên đường Ô số 2: Nhập tên thành phố Ô số 3: Nhập tên nước
11.	Điện thoại	Nhập số điện thoại
12.	Fax	Nhập số fax
13.	Mã số thuế	Chỉ nhập mã số thuế người nhập khẩu đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu cần xác định trước mã số
14.	Email	Nhập địa chỉ hộp thư điện tử
15.	Cơ sở sản xuất, gia công, lắp ráp	Nhập tên cơ sở sản xuất, gia công, lắp ráp trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu cần xác định trước xuất xứ hàng hóa
16.	Địa chỉ	Ô số 1: Nhập số nhà và tên đường Ô số 2: Nhập tên thành phố Ô số 3: Nhập tên nước
17.	Điện thoại	Nhập số điện thoại
18.	Website	Nhập địa chỉ trang thông tin điện tử
19.	Email	Nhập địa chỉ hộp thư điện tử
20.	Tên hàng	Nhập cụ thể tên hàng
21.	Mô tả hàng hóa	Nhập thông tin mô tả hàng hóa

22.	Mã số hàng hóa	Nhập mã số HS của hàng hóa
23.	Trị giá FOB	Nhập trị giá FOB của hàng hóa
24.	Hành trình dự định của lô hàng	Nhập chi tiết từ cảng nước sản xuất, nước xuất khẩu đến cảng Việt Nam; trường hợp qua các cảng trung gian thì khai cụ thể các cảng trung gian. Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam thì nhập các thông tin từ Việt Nam đến cảng nước nhập khẩu
25.	Hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
26.	Hàng hóa đã được xác định trước xuất xứ đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
27.	Bản kê các nguyên liệu, vật tư dùng để sản xuất ra hàng hóa	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
28.	Bản mô tả sơ lược quy trình sản xuất hàng hóa	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
29.	Catalogue	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
30.	Hình ảnh	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không
31.	Giấy chứng nhận phân tích thành phần	Đánh dấu tích vào ô Có hoặc Không

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng... năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC ĐỊNH TRƯỚC XUẤT XỨ HÀNG HÓA
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

A. Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Tên:	
2. Địa chỉ:	
3. Điện thoại:	4. Fax:
5. Mã số thuế:	
6. E-mail:	

B. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/nhập khẩu:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

C. Cơ sở sản xuất, gia công, lắp ráp:

1. Tên:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Website:
5. E-mail:

D. Hàng hóa đề nghị xác định trước xuất xứ:

1. Mô tả hàng hóa:	
2. Mã số HS:	3. Trị giá FOB:
4. Hành trình dự định của lô hàng từ nước sản xuất, nước xuất khẩu đến Việt Nam (cảng nước SX → cảng nước XK → cảng nước trung gian → Việt Nam); đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam thì ngược lại	
5. Hàng hóa thuộc danh mục hàng cấm, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
6. Hàng hóa đã được xác định trước xuất xứ đăng trên cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan? Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	

E. Tài liệu kèm theo:

1. Bản kê các nguyên vật liệu dùng để sản xuất ra hàng hoá gồm các thông tin như (tên hàng, mã số H.S, xuất xứ, giá CIF).	
2. Bản mô tả sơ lược quy trình sản xuất ra hàng hoá.	
3. Catalogue Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	4. Hình ảnh Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
5. Giấy chứng nhận phân tích thành phần	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
.....	

....(tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) cam kết hàng hóa nêu tại mục D là hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, chưa được xác định trước xuất xứ trước thời điểm nộp Đơn và hàng hóa không nằm trong danh mục cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

... (tên Tổ chức, cá nhân đề nghị xác định trước xuất xứ) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực của nội dung Đơn và các chứng từ kèm theo./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

DANH MỤC
HÀNG HÓA NHẬP KHẨU PHẢI NỘP CHỨNG TỪ CHỨNG NHẬN
XUẤT XỬ HÀNG HÓA CHO CƠ QUAN HẢI QUAN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mã số HS	Mô tả
I. Thịt và các sản phẩm thịt gia súc, gia cầm	
Chương 2	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ
15.01	Mỡ lợn (kể cả mỡ từ mỡ lá và mỡ khô) và mỡ gia cầm, trừ các loại thuộc nhóm 02.09 hoặc 15.03.
15.02	Mỡ của động vật họ trâu bò, cừu hoặc dê, trừ các loại mỡ thuộc nhóm 15.03.
15.03	Stearin mỡ lợn, dầu mỡ lợn, oleostearin, dầu oleo và dầu mỡ (dầu tallow), chưa nhũ hoá hoặc chưa pha trộn hoặc chưa chế biến cách khác.
15.04	Mỡ và dầu và các phần phân đoạn của chúng, từ cá hoặc các loài động vật có vú sống ở biển, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học.
15.05	Mỡ lông và chất béo thu được từ mỡ lông (kể cả lanolin).
1506.00.00	Mỡ và dầu động vật khác và các phần phân đoạn của chúng, đã hoặc chưa tinh chế, nhưng không thay đổi về mặt hoá học
1516.10	- Mỡ và dầu động vật và các phần phân đoạn của chúng
1517.10	- Margarin, trừ loại margarin lỏng
1517.90	- Loại khác:
1517.90.10	- - Chế phẩm giả ghee
1517.90.20	- - Margarin lỏng
1517.90.30	- - Của một loại sử dụng như chế phẩm tách khuôn
1517.90.43	- - - Shortening

1517.90.44	- - - Chế phẩm giả mỡ lợn
1517.90.80	- - Của hỗn hợp hoặc chế phẩm từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc từ các phần phân đoạn của chúng
1517.90.90	- - Loại khác
1518.00.12	- - Mỡ và dầu động vật
1518.00.20	- Các hỗn hợp hoặc các chế phẩm không ăn được từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc từ các phần phân đoạn của các loại mỡ hoặc dầu khác nhau
1518.00.60	- Các hỗn hợp hoặc các chế phẩm không ăn được từ mỡ hoặc dầu động vật hoặc từ các phần phân đoạn của chúng và chất béo hoặc dầu thực vật hoặc các phần phân đoạn của chúng
16.01	Xúc xích và các sản phẩm tương tự làm từ thịt, từ phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết; các chế phẩm thực phẩm từ các sản phẩm đó.
16.02	Thịt, các phụ phẩm dạng thịt sau giết mổ hoặc tiết, đã chế biến hoặc bảo quản khác
16.03	Sản phẩm chiết xuất và nước ép từ thịt, cá hoặc từ động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác
II. Than	
27.01	Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá
27.02	Than non, đã hoặc chưa đóng bánh, trừ than huyền
27.03	Than bùn (kể cả than bùn rác), đã hoặc chưa đóng bánh
27.04	Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muội bình chung than đá
III. Ô tô	
Chương 87	Ô tô (trừ xe ô tô thuộc đối tượng ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô đầu kéo container)

Phụ lục III

(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....(3), ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiểm tra xuất xứ hàng hóa tại (4)

..... (5)

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của (6),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiểm tra việc khai xuất xứ hàng hóa tại (4);

Thời kỳ kiểm tra:

Thời hạn kiểm tra là ngày, kể từ ngày công bố Quyết định kiểm tra.

Điều 2. Thành lập Đoàn kiểm tra, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1., Trưởng đoàn;

2. Phó Trưởng đoàn (nếu có);

3. thành viên;

Điều 3. Nội dung kiểm tra (7)

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) có tên tại Điều 2 và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- (4);

- Như Điều 4;

- Lưu:...

.....(5)

(Ký, ghi rõ tên và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan ban hành quyết định kiểm tra.

(4) Tên đối tượng thực hiện kiểm tra.

(5) Chức danh của người ban hành Quyết định kiểm tra.

(6) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tham mưu đề xuất tiến hành kiểm tra (nếu có).

(7) Kiểm tra cơ sở sản xuất để xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu.

Phụ lục IV

STT	TÊN BIỂU MẪU	SỐ HIỆU
1	Chỉ tiêu thông tin đề nghị trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa	01/CT/ĐNTL/GSQL
2	Đề nghị trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa	02/ĐNTL/GSQL
3	Theo dõi, trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa	03/TDTL/GSQL

Mẫu số 01/CT/ĐNTL/GSQL

Chỉ tiêu thông tin đề nghị trừ lùi Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 04 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu thông tin	Mô tả, ghi chú	Bảng mã
1.	Tên tổ chức, cá nhân	Tên tổ chức, cá nhân đề nghị trừ lùi	
2.	Mã số thuế	Nhập mã số thuế của tổ chức, cá nhân	
3.	Ngày đề nghị	Là ngày hệ thống tiếp nhận đề nghị	
4.	Chi cục Hải quan	Tên Chi cục Hải quan nơi tiếp nhận đề nghị trừ lùi	X
5.	Mẫu C/O	Nhập mẫu C/O theo từng hiệp định	
6.	Số tham chiếu	Nhập số tham chiếu C/O	
7.	Nơi cấp	Nhập cơ quan có thẩm quyền cấp C/O	
8.	Ngày C/O	Ngày cấp C/O	
9.	Địa chỉ kho ngoại quan	Nhập mã kho ngoại quan	X
10.	Tên hàng	Nhập tên hàng nhập khẩu	
11.	Mã số HS	Nhập mã số HS tương ứng	
12.	Đơn vị tính	Nhập đơn vị tính	
13.	Số lượng	Nhập số lượng hàng hóa nhập khẩu trên C/O	

Tên tổ chức, cá nhân.....
MST:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

ĐỀ NGHỊ TRỪ LỪ GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

Kính gửi: Chi cục Hải quan

..... có địa chỉ tạiđề nghị Chi cục Hải quan cấp Phiếu theo
dõi trừ lừ cho Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu có số tham chiếu
..... do cấp ngày cho lô hàng đang được gửi tại kho ngoại quan
..... có địa chỉ tại.....thuộc địa bàn quản lý của Chi cục Hải quan
.....thuộc Cục Hải quan.....

Thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Số lượng hàng hoá nhập khẩu trên C/O

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê
khai trên./.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức, cá nhân
(Ký tên; đóng dấu)

Mẫu 03/TDTL/GSQL

Cục Hải quan.....
Chi cục Hải quan.....

Số phiếu:
Ngày.... tháng.... năm

PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA

1. C/O mẫu; số tham chiếu:; ngày cấp:/...../.....; số lượng hàng hóa nhập khẩu trên C/O.....
2. Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....; Mã số thuế:

STT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan nhập khẩu	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Số lượng hàng hoá nhập khẩu	Số lượng hàng hoá còn lại chưa nhập khẩu	Công chức HQ theo dõi trừ lùi xác nhận (ký, đóng dấu công chức)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Lãnh đạo Chi cục HQ (mời cấp phiếu)
(Ký tên; đóng dấu)